

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 112/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 02 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Quản trị kinh doanh (chương trình chất lượng cao) Business Administration (High Quality Program)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành:	7340101
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt và Tiếng Anh

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh (Chương trình chất lượng cao) được ban hành theo Quyết định 103/QĐ-ĐHTM ngày 21/01/2022. Trong lần sửa đổi, bổ sung này có điều chỉnh tên, tín chỉ và nội dung một số học phần Tiếng Anh như sau:

Học phần hiện nay		Học phần điều chỉnh	
Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC
Basic IELTS 1	5 (60,30)	Tiếng Anh căn bản 1.1 <i>Basic English 1.1</i>	4 (48,24)
Basic IELTS 2	5 (60,30)	Tiếng Anh căn bản 1.2 <i>Basic English 1.2</i>	4 (48,24)
Expanding IELTS 1	4 (48,24)	Tiếng Anh tăng cường 1.1 <i>Intensive English 1.1</i>	4 (48,24)
Expanding IELTS 2	4 (48,24)	Tiếng Anh tăng cường 1.2 <i>Intensive English 1.2</i>	4 (48,24)
Developing IELTS 1	4 (48,24)	Tiếng Anh nâng cao 1.1 <i>Advanced English 1.1</i>	5 (60,30)
Developing IELTS 2	4 (48,24)	Tiếng Anh nâng cao 1.2 <i>Advanced English 1.2</i>	5 (60,30)

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung: Chương trình Quản trị kinh doanh (chương trình CLC) là CTĐT định hướng ứng dụng, có mục tiêu đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng vận dụng hiệu quả các kiến thức, kỹ năng quản trị kinh doanh trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng thích ứng tốt để làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài; có khả năng ra quyết định quản trị trong những điều kiện phức tạp, thay đổi của môi trường kinh doanh; có khả năng tự khởi sự kinh doanh để tạo việc làm cho bản thân và người khác; có năng lực tự học tập bồi dưỡng suốt đời; có năng lực đào tạo và tư vấn chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có năng lực học tập suốt đời;

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng hiệu quả những kiến thức kinh tế và quản trị kinh doanh để tham gia điều hành hoạt động của doanh nghiệp hoặc tự khởi sự kinh doanh và điều hành hoạt động kinh doanh của bản thân;

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ phù hợp với các vị trí việc làm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh;

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm trong các công việc chuyên môn quản trị kinh doanh;

3. Chuẩn đầu ra

3.1 Yêu cầu về kiến thức

(PLO1): Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn về chính trị và pháp luật, kinh tế - xã hội vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

(PLO2): Vận dụng được kiến thức quản trị các nguồn lực trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

(PLO3): Vận dụng và phân tích các kiến thức quản trị chiến lược, quản trị tác nghiệp, quản trị lĩnh vực hoạt động vào thực tiễn của doanh nghiệp đặt trong bối cảnh môi trường kinh doanh phức tạp và biến động không ngừng

3.2 Yêu cầu về kỹ năng

(PLO4): Có kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động

(PLO5): Có kỹ năng phân tích, xây dựng, triển khai, đánh giá các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động

(PLO6): Có kỹ năng, truyền đạt, thuyết trình, phân biện, bảo vệ quan điểm liên quan đến các vấn đề về quản trị kinh doanh; có kỹ năng làm việc nhóm

(PLO7): Có kỹ năng xây dựng kế hoạch khởi sự kinh doanh

3.3 Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO8): Có khả năng tự chủ làm việc độc lập, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh; Có khả năng định hướng, hướng dẫn, giám sát người khác làm việc

(PLO9): Tuân thủ chuẩn mực đạo đức kinh doanh

3.4 Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

(PLO10): Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO11): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng tín chỉ): 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trường Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

e) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	SỐ TC	Cấu trúc học phần
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			57	
1.1	Giáo dục đại cương			46	
1.1.1	Các học phần bắt buộc			44	
1	Triết học Mác - Lênin Phylosophy of Maxism – Leninism	MLNP0221	Tiếng Việt	3	(36,18)
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism – Leninism	RLCP1211	Tiếng Việt	2	(24,12)
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	HCM10111	Tiếng Việt	2	(24,12)

4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	HCM10131	Tiếng Việt	2	(21,18)
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	HCM10121	Tiếng Việt	2	(24,12)
6	Pháp luật đại cương Introduction to Laws	TLAW0111	Tiếng Việt	2	(24,12)
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific Research Methodology	SCRE0111	Tiếng Việt	2	(24,12)
8	Tin học quản lý Infomatics of Management	INFO0311	Tiếng Việt	3	(36,18)
9	Tiếng Anh căn bản 1.1 Basic English 1.1	ENTH3211	Tiếng Anh	4	(48,24)
10	Tiếng Anh căn bản 1.2 Basic English 1.2	ENTH3311	Tiếng Anh	4	(48,24)
11	Tiếng Anh tăng cường 1.1 Intensive English 1.1	ENPR7011	Tiếng Anh	4	(48,24)
12	Tiếng Anh tăng cường 1.2 Intensive English 1.2	ENPR7111	Tiếng Anh	4	(48,24)
13	Tiếng Anh nâng cao 1.1 Advanced English 1.1	ENTI3111	Tiếng Anh	5	(60,30)
14	Tiếng Anh nâng cao 1.2 Advanced English 1.2	ENTI3211	Tiếng Anh	5	(60,30)
1.1.2.	Các học phần tự chọn			2	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>				
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế The History of Economic Thought	RLCP0221	Tiếng Việt	2	(24,12)
2	Xã hội học đại cương General Sociology	RLCP0421	Tiếng Việt	2	(24,12)
1.2	Giáo dục thể chất			3	
1.2.1	Các học phần bắt buộc			1	
	Giáo dục thể chất chung Physical Education	GDTC1611	Tiếng Việt	1	(12,18)
1.2.2	Các học phần tự chọn			2	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau</i>				
1	Bóng ném Handball	GDTC0721	Tiếng Việt	1	(12,18)
2	Bóng chuyền Volleyball	GDTC0621	Tiếng Việt	1	(12,18)
3	Cầu lông Badminton	GDTC0521	Tiếng Việt	1	(12,18)

4	Bóng bàn Table tennis	GDTC1621	Tiếng Việt	1	(12,18)
5	Cờ vua Chess	GDTC1721	Tiếng Việt	1	(12,18)
6	Bóng rổ Basketball	GDTC0821	Tiếng Việt	1	(12,18)
1.3	Giáo dục quốc phòng – an ninh Military Education		Tiếng Việt	8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			74	
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành			17	
2.1.1.	Các học phần bắt buộc			9	
1	Kinh tế học Economics	MIEC0821	Tiếng Việt	3	(36,18)
2	Marketing căn bản Principles of marketing	BMKT0111	Tiếng Việt	3	(36,18)
3	Quản trị học Fundamentals of Management	BMGM0531	Tiếng Anh	3	(36,18)
2.1.2.	Các học phần tự chọn			8	
	<i>Chọn 8TC trong các HP sau:</i>				
1	Nhập môn Tài chính tiền tệ Fundamentals of Finance and Money	EFIN2811	Tiếng Việt	3	(36,18)
2	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	FACC0111	Tiếng Việt	3	(36,18)
3	Kinh tế lượng Econometrics	AMAT0411	Tiếng Việt	3	(36,18)
4	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals of Electronic commerce	PCOM0111	Tiếng Việt	3	(36,18)
5	Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp Personal Development and Career Orientation	CEMG3011	Tiếng Việt	2	(24,12)
6	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng internet Data mining on the Internet	eCOM2111	Tiếng Việt	2	(0,60)
2.2.	Kiến thức ngành và chuyên ngành			47	
2.2.1.	Các học phần bắt buộc			33	
1	Nguyên lý quản trị nhân lực Principles of Human Resource Management	HRMG2531	Tiếng Anh	3	(36,18)

2	Quản trị tài chính 1 Financial Management 1	FMGM0215	Tiếng Anh	3	(36,18)
3	Quản trị chiến lược Strategic Management	SMGM0631	Tiếng Anh	3	(36,18)
4	Quản trị sản xuất Production Management	CEMG3131	Tiếng Anh	3	(36,18)
5	Quản trị bán hàng * Sales Management	CEMG2622	Tiếng Việt	3	(34,12,5)
6	Quản trị dự án Project management	ĐTQT1031	Tiếng Anh	2	(24,12)
7	Khởi sự kinh doanh Entrepreneurship	CEMG3231	Tiếng Anh	3	(36,18)
8	Quản trị công ty Corporate Governance	SMGM0731	Tiếng Anh	3	(36,18)
9	Quản trị rủi ro Risk Management	BMGM0631	Tiếng Anh	3	(36,18)
10	Đạo đức kinh doanh Business ethics	BMGM0731	Tiếng Anh	3	(36,18)
11	Trò chơi kinh doanh Business game	ĐTQT1131	Tiếng Anh	2	(0,60)
12	Thực tập nghề nghiệp Internship	QTKD3011	Tiếng Việt	2	(0,60)
2.2.2.	Các học phần tự chọn				
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 14 TC trong các HP sau)</i>			14	
1	Quản trị thương hiệu 1 Brand Management	BRMG2011	Tiếng Việt	3	(36,18)
2	Quản trị chất lượng Quality Management	QMGM0911	Tiếng Việt	3	(36,18)
3	Quản trị logistics kinh doanh Business Logistics Management	BLOG1511	Tiếng Việt	3	(36,18)
4	Quản trị dịch vụ Service Management	TEMG2911	Tiếng Việt	3	(36,18)
5	Chiến lược kinh doanh quốc tế International Business Strategy	SMGM0931	Tiếng Anh	3	(36,18)
6	Luật kinh tế 1 Economic Law	PLAW0321	Tiếng Việt	3	(36,18)
7	Quản trị thương mại điện tử 1 eCommerce Management 1	eCOM2011	Tiếng Việt	3	(36,18)
8	Quản trị đổi mới, sáng tạo	SMGM1111	Tiếng Việt	3	(36,18)

	Managing Innovation				
9	Quản trị nhóm làm việc Teamwork Management	CEMG2811	Tiếng Việt	2	(24,12)
10	Tâm lý quản trị kinh doanh Business Administration Psychology	TMKT0211	Tiếng Việt	2	(24,12)
2.3	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học Intership and Thesis		Tiếng Việt	10	
1	Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm Intership project report	REPA1011	Tiếng Việt	3	0,90
2	Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp Graduation Thesis	LVVA1411	Tiếng Việt	7	0,210

Ghi chú:

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 TC (trong đó: 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ GDTC & GDQP-AN). Trong 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp có 96 TC bắt buộc (trong đó có 26 tín chỉ học tiếng Anh và 31 tín chỉ khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giảng dạy bằng tiếng Anh) và 24 tín chỉ tự chọn.

- Các học phần có dấu * có tổ chức báo cáo thực tế 5 tiết

- Trong chương trình học, người học bắt buộc phải thực hiện một đề tài NCKH.

8.2. Mô tả các học phần (phụ lục)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		Tổng cộng	12-13TC
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	15-16TC
3	KỲ HÈ NĂM NHẤT	GD QP&AN	08 TC
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	16-17 TC
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	và 3-6TC
		Tổng cộng	15-17 TC
6	KỲ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC

		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	12-15 TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	15-17TC
7	KỶ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		Tổng cộng	16-17TC
8	KỶ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		Tổng cộng	16-18TC
9	KỶ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10TC
10	TỔNG CỘNG		131TC

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI

PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

TS. Trần Thị Hoàng Hà

PHỤ LỤC
MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức giáo dục đại cương

a. Các học phần bắt buộc

Triết học Mác - Lê Nin (Philosophy of Marxism - Leninism)

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin (Political economics of Marxism - Leninism)

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công

cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương (Introduction to Laws)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm: Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methodology)

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Tin học quản lý (Infomatics of Management)

Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

Tiếng Anh căn bản 1.1 (Basic English 1.1)

Học phần Tiếng Anh căn bản 1.1 sử dụng giáo trình Life (Intermediate) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm như Văn hóa, Nghệ thuật trình diễn, Nước, Cơ hội, Ăn uống và sức khỏe, Điều bí ẩn. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biệt và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh căn bản 1.2 (Basic English 1.2)

Học phần Tiếng Anh căn bản 1.2 sử dụng giáo trình Life (Intermediate) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm như Không gian sống, Du lịch, Mua sắm, Không giới hạn, Sự kết nối, Chuyên gia. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biệt và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh tăng cường 1.1 (Intensive English 1.1)

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.1 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biệt và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh tăng cường 1.2 (Intensive English 1.2)

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.2 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biệt và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

* Chú ý: Sinh viên phải hoàn thành tối thiểu 50% tổng số lượng bài được giao online và phải đạt tối thiểu 50% câu trả lời đúng.

Tiếng Anh nâng cao 1.1 (Advanced English 1.1)

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.1 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ

hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh nâng cao 1.2 (Advanced English 1.2)

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.2 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ đề: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

b. Các học phần tự chọn

Lịch sử các học thuyết kinh tế (The History of Economic Thought)

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Xã hội học đại cương (General Sociology)

Học phần Xã hội học đại cương giới thiệu: Những kiến thức cơ bản về xã hội (dưới góc độ Xã hội học) như: Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và thiết chế xã hội; Bất bình đẳng xã hội; Các nội dung về xã hội hóa; Các vấn đề về biến đổi xã hội. Đồng thời trong học phần cũng đề cập nghiên cứu một số nội dung của các lĩnh vực xã hội học chuyên biệt, như: Xã hội học giáo dục, Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội học quản lý.

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

a. Kiến thức cơ sở ngành

Các học phần bắt buộc

Kinh tế học (Economics)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vĩ mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu

kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

Marketing căn bản (Principles of marketing)

Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Quản trị học (Fundamentals of Management)

The course focuses on providing learners with fundamental knowledge of management. It also develops management skills for learners and allows them to form the ability to work independently and in a group.

Các học phần tự chọn

Nhập môn Tài chính tiền tệ (Fundamentals of Finance and Money)

Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)

Học phần Nguyên lý kế toán thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán.

Kinh tế lượng (Econometrics)

Phương pháp ước lượng các mô hình hồi quy hai biến và nhiều biến. Các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (xác định khoảng tin cậy, kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt). Các vấn đề liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Thương mại điện tử căn bản (Fundamentals of Electronic commerce)

Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử. Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến hiện nay, kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp (Personal Development and Career Orientation)

Với mục đích cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về phát triển bản thân và đánh giá nghề nghiệp trong tương lai. Học phần phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp bao gồm các nội dung cơ bản sau: phân tích các khía cạnh của phát triển bản thân, tổng quan về môi trường việc làm và cơ hội nghề nghiệp của doanh nhân khởi nghiệp; xác định mục tiêu nghề nghiệp và đánh giá năng lực bản thân trong vai trò của doanh nhân khởi nghiệp; chỉ ra các yêu cầu đối với một doanh nhân khởi nghiệp, quản lý bản thân doanh nhân khởi nghiệp như quản lý stress, quản lý thời gian, quản lý tài chính và duy trì các mối quan hệ; cách thức lập kế hoạch phát triển bản thân của doanh nhân khởi nghiệp.

Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng internet (Data mining on the Internet)

Học phần Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới: Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.

b. Kiến thức ngành và chuyên ngành

Các học phần bắt buộc

Nguyên lý quản trị nhân lực (Principles of Human Resource Management)

This module is one of basis major modules in training program of Human Resource Management Major. It includes some main contents as: concept and role of human resource management; essential contents of human resource management (job analysis, recruitment and selection, training and development employee, performance management, compensation), trends in human resource management

Quản trị tài chính 1 (Financial Management 1)

Nội dung của học phần Quản trị tài chính I bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

Quản trị chiến lược (Strategic Management)

The course provides learners all theories, concepts and tools that support modern business strategic management in all types of organizations, thereby equip learners with the strategic thinking in compatible relationships with a constantly changing business environment; and skills to formulate, implement and evaluate strategies for firms. In addition, the learners will be able to clarify the relationship between strategic management and other modules of business administration program.

Quản trị sản xuất (Production Management)

The module provides learners with knowledge and skills about production and production management of enterprises as well as how to apply these knowledge and skills to the actual conditions of Vietnamese enterprises.

*Quản trị bán hàng * (Sales Management)*

Học phần Quản trị bán hàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh, bao gồm các nội dung Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Kỹ năng bán hàng và Quản lý chế độ khách hàng lớn; Lập kế hoạch bán hàng; Quản trị đội ngũ bán hàng; Tổ chức điểm bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

Quản trị dự án (Project management)

The course gives students the foundational knowledge and skills in project, project management and the ability to apply these knowledge, skills in practice.

Khởi sự kinh doanh (Entrepreneurship)

The purpose of this module is to provide learners with an overview system of knowledge, combining a variety of entrepreneurship skills. The subject includes basic contents: introduction to entrepreneurship; recognizing opportunities and generating ideas; feasibility analysis; developing an effective business model; writing a business plan; establishing a business; and getting financing or funding.

Quản trị công ty (Corporate Governance)

The course provides learners with the knowledge and skills to present the key concepts and analyze basic theories, principles, models and major contents of corporate governance. From there, learners can apply these knowledge and skills in evaluating and building a transparent and effective corporate governance system which ensures the sustainable development of the business based on benefit maximizing for shareholders and satisfying other stakeholder expectations...

Quản trị rủi ro (Risk Management)

The subject provides students with fundamental knowledge on risk management in business. Students will be able to apply provided knowledge and skills in further studying and business practices.

Đạo đức kinh doanh (Business ethics)

The purpose of this course is to develop students the business skills, as independent-thinking professionals who can meet demand of business employers and adapt to a constantly changing world. Students will gain a wide range of business knowledge tied to practical skills gained through research, directed and self study. The course aim to widen access to higher education and improve the career prospects of those who take them.

Trò chơi kinh doanh (Business game)

The purpose of this course is to provide students with knowledge and skills for making decision via analyzing business situations. Students are also guided to make independent analysis using data extracted from each situation. The course aim to develop students' capabilities to make decisions with regard to product, price and market issues.

Thực tập nghề nghiệp (Intership)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức thực tiễn về môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, quản trị các nguồn lực cơ bản của doanh nghiệp thông qua khảo sát tại đơn vị thực tập. Bên cạnh đó, người học được rèn luyện các kỹ năng: làm việc nhóm, phân tích và viết báo cáo, lập kế hoạch.

Các học phần tự chọn

Quản trị thương hiệu 1 (Brand Management)

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Quản trị chất lượng (Quality Management)

Chất lượng được coi là yếu tố then chốt quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Quản trị chất lượng hiệu quả cũng là hoạt động chính để xây dựng và phát triển thương hiệu. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo các ngành quản trị kinh doanh và marketing. Với 8 chương, học phần cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng. Các kỹ năng mà người học có thể rèn luyện được trong suốt quá trình nghiên cứu học phần bao gồm: Kỹ năng lập

kế hoạch chất lượng; kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá hệ thống quản trị chất lượng; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật kiểm soát chất lượng; kỹ năng làm việc theo nhóm....

Quản trị logistics kinh doanh (Business Logistics Management)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cái nhìn khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

Quản trị dịch vụ (Service Management)

Đây là học phần cung cấp kiến thức ngành của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn; là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ của chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại và là học phần tự chọn của nhiều chuyên ngành khác. Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận và vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn, tài chính -- ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Chiến lược kinh doanh quốc tế (International Business Strategic)

The module of International Business Strategy is a specialized module of Business Administration, including the basic knowledge of international business management and practical application of enterprises in international business in general. The module of International Business Strategy is divided into five main chapters. Chapter 1 deals with the basics of international business strategy, such as the concept of international business, the process of market globalization and internationalization of enterprises; and presents the basic theories of international trade and investment. Chapter 2 introduces and analyzes the factors that belong to the international business environment of enterprises. Chapter 3 deals with the patterns of strategic and structures of international business firms, along with an examination of global market opportunities. In Chapter 4, the participation and operation of activities in the international market is clarified through such contents as exports, foreign

direct investment, licensing, and resource mobility. Finally, chapter 5 deals with two important functional strategies in international business strategy, namely international marketing strategy and international human resource management.

Luật kinh tế 1 (Economic Law)

Là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu các quy định pháp luật về loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhà nước; Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về phá sản và luật phá sản; thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần chuyên ngành khác. Học phần này được nghiên cứu sau khi sinh viên đã nắm được kiến thức cơ bản ở các học phần cơ sở ngành.

Quản trị thương mại điện tử 1 (eCommerce Management 1)

Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về bán lẻ điện tử, bao gồm: Khái niệm bán lẻ điện tử, lợi ích và những khó khăn bán lẻ điện tử, các mô hình bán lẻ điện tử, xây dựng kế hoạch marketing trong bán lẻ điện tử, quản lý và vận hành website bán lẻ điện tử, tổ chức bán qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng điện tử, xử lý các vấn đề sau bán lẻ điện tử, quản trị quan hệ khách hàng trong bán lẻ điện tử.

Quản trị đổi mới, sáng tạo (Managing Innovation)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về quản trị đổi mới sáng tạo. Bao gồm: Kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo; Quy trình quản trị đổi mới sáng tạo; Các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

Quản trị nhóm làm việc (Teamwork Management)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về công tác quản trị nhóm làm việc trong các tổ chức và doanh nghiệp bao gồm các nội dung như: Đặc điểm và vai trò của nhóm làm việc; Các giai đoạn phát triển nhóm; Thành lập nhóm làm việc; Tổ chức quản lý nhóm; Lãnh đạo và kiểm soát nhóm làm việc, Giải quyết xung đột trong nhóm, Kỹ năng giao tiếp nhóm; Đánh giá hiệu suất nhóm; Các kỹ năng và năng lực của người trưởng nhóm. Người học có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng trên để xây dựng và triển khai hoạt động của nhóm làm việc theo các mục tiêu và nhiệm vụ đã xác định.

Tâm lý quản trị kinh doanh (Business Administration Psychology)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về tâm lý trong quản trị kinh doanh bao gồm: khái niệm tâm lý quản trị kinh doanh; các đặc điểm và các quy luật tâm lý cá nhân; đặc điểm và các quy luật tâm lý tập thể; tâm lý lãnh đạo và êkíp lãnh đạo; tâm lý trong hoạt động kinh doanh và giao tiếp trong quản trị kinh doanh.

Báo cáo dự án nhóm (Intership project report)

Học phần giúp người học tìm hiểu khái quát thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị của đơn vị thực tập. Từ đó, người học phát hiện các vấn đề tồn tại

trong hoạt động quản trị của đơn vị thực tập để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Người học thực tập tại doanh nghiệp thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực, ngành kinh doanh khác nhau để tìm hiểu thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp. Người học phát hiện các hạn chế trong hoạt động quản trị để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Luận văn tốt nghiệp (Graduation Thesis)

Học phần này giúp người học củng cố kiến thức chuyên sâu thông qua vận dụng kiến thức và các kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập và trình bày báo cáo khóa luận tốt nghiệp dưới dạng công trình nghiên cứu. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, Người học hệ thống hóa có lựa chọn một số cơ sở lý luận đã có để vận dụng giải quyết một vấn đề cụ thể về quản trị kinh doanh tại một doanh nghiệp.